

CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ WINGROUP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG VÀ GIẢI TRÍ WINGROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109622922

3. Ngày thành lập: 07/05/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 155 Trần Đăng Ninh, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0972098956

Fax:

Email: congviet.net@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
2.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
3.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
4.	Khai thác thủy sản biển	0311
5.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
6.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
7.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
8.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ đấu giá hàng hóa)	4610
9.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
10.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
11.	Bán buôn thực phẩm	4632
12.	Bán buôn đồ uống	4633
13.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
14.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
15.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ dược phẩm)	4649
16.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
17.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
20.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711

21.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
22.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
23.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
24.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
25.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
26.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
27.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
28.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
29.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
30.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
31.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ thuốc)	4772
32.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm: - Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; - Bán lẻ tem và tiền kim khí)	4773
33.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
34.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
35.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
36.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
37.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
38.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
39.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
40.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
41.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
43.	Bốc xếp hàng hóa	5224
44.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225

45.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; - Kinh doanh dịch vụ logistics (Nghị định 163/2017/NĐ-CP quy định về kinh doanh dịch vụ logistics).	5229
46.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Không bao gồm kinh doanh bar, vũ trường, karaoke)	5510
47.	Trồng lúa	0111
48.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
49.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
50.	Trồng cây mía	0114
51.	Trồng cây lấy sợi	0116
52.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
53.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
54.	Trồng cây hàng năm khác	0119
55.	Trồng cây ăn quả	0121
56.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
57.	Trồng cây lâu năm khác	0129
58.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
59.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
60.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
61.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
62.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
63.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
64.	Chăn nuôi gia cầm	0146
65.	Chăn nuôi khác	0149
66.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
67.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
68.	Quảng cáo	7310
69.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
70.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng và Tư vấn chứng khoán)	7490
71.	Cho thuê xe có động cơ	7710
72.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299

73.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ Đấu giá bán lẻ qua internet)	4791
74.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đầu (Trừ Đấu giá ngoài cửa hàng (bán lẻ))	4799
75.	Xây dựng nhà để ở	4101
76.	Xây dựng nhà không để ở	4102
77.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
78.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
79.	Xây dựng công trình điện	4221
80.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
81.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
82.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
83.	Xây dựng công trình thủy	4291
84.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
85.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
86.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
87.	Phá dỡ	4311
88.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
89.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
90.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
91.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
92.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
93.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
94.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
95.	Cơ sở lưu trú khác	5590
96.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh bar, vũ trường, karaoke)	5610
97.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
98.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
99.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh bar, vũ trường, karaoke)	5630
100.	Lập trình máy vi tính	6201
101.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
102.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
103.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311

104.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí theo Điều 3,4 Luật Báo chí) Chi tiết: - Thiết lập mạng xã hội; (theo điểm a khoản 7 Điều 5 Nghị định 27/2018/NĐ-CP) - Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp(theo điểm a khoản 7 Điều 5 Nghị định 27/2018/NĐ-CP) - Dịch vụ thương mại điện tử (thực hiện theo khoản 2 Điều 24 Nghị định 52/2013/NĐ-CP)	6312(Chính)
105.	Xuất bản phần mềm (Trừ xuất bản phẩm)	5820
106.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
107.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, kế toán, kiểm toán và chứng khoán)	7020
108.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (Loại trừ hoạt động tư vấn luật)	6619
109.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
110.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản (Theo Điều 62, Điều 74 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014) - Sàn giao dịch bất động sản (Theo điều 69 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014)	6820
111.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
112.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
113.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
114.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
115.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
116.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030

6. Vốn điều lệ: 1.800.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

8. Người đại diện theo pháp luật:

Thời gian đăng từ ngày 07/05/2021 đến ngày 06/06/2021

* Họ và tên: NGUYỄN CÔNG VIỆT

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/06/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 022088002150

Ngày cấp: 18/05/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Tổ 7, Khu 3, Phường Bắc Sơn, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phòng 1614, CT2B, Chung cư Tân Tây Đô, Xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội